

NGHIÊN CỨU SỰ MẤT CÂN BẰNG CHE PHỦ RỪNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP SỬ DỤNG, PHÁT TRIỂN RỪNG HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

TS. Lê Kim Dung, Nguyễn Xuân Tiến, Nguyễn Thị Thịnh

Trường Đại học Hồng Đức

Mục đích của bài báo này là dựa vào hệ số mất cân bằng che phủ (được tính qua mối quan hệ giữa tỷ lệ che phủ hiện tại và tỷ lệ che phủ cần có theo đề xuất quy hoạch của địa phương) để nghiên cứu đánh giá mất cân bằng che phủ rừng trên địa bàn huyện Mường Lát, từ đó đề xuất các giải pháp sử dụng và phát triển tài nguyên rừng bền vững.

1. Mở đầu

Mường Lát là huyện có diện tích tự nhiên lớn thứ 4 và là địa phương nghèo nhất tỉnh Thanh Hóa. Huyện thuộc miền núi cao, giáp biên giới Việt - Lào, có điều kiện địa lý hết sức phức tạp, nằm trên thượng nguồn sông Mã nên rừng ở đây giữ chức năng rất quan trọng trong phòng hộ đầu nguồn. Tuy nhiên, tài nguyên rừng ở đây đang bị suy giảm khá nghiêm trọng, tỷ lệ che phủ còn thấp hơn nhiều so với yêu cầu quy hoạch (50,8% so với trên 70%). Chính vì vậy, trong những năm gần đây, nhiều tai biến thiên nhiên xảy ra với cường độ mạnh như lũ quét, trượt lở đất đá, xói mòn đất,... (toàn huyện có tới 24 điểm lũ quét và nằm trong vùng nguy cơ lũ quét cao của tỉnh) đã tác động không nhỏ đến việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên và phát triển kinh tế - xã hội nói chung, sử dụng hợp lý tài nguyên rừng nói riêng trên địa bàn huyện.

Như vậy, vấn đề đặt ra là cần có những nghiên cứu đầy đủ về mất cân bằng che phủ trên địa bàn huyện dựa trên diễn biến hiện trạng rừng, quy hoạch 3 loại rừng, cùng với các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, để từ đó đề xuất các giải pháp sử dụng và phát triển rừng nhằm bảo vệ môi trường sinh thái, xóa đói giảm nghèo, đi lên phát triển bền vững.

2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

a. Nội dung nghiên cứu

- Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ lệ che phủ rừng; hiện trạng và quy hoạch 3 loại rừng huyện Mường Lát.

- Trên cơ sở nghiên cứu tỷ lệ che phủ hiện tại và tỷ lệ che phủ cần có theo quy hoạch của địa phương, đề tài xây dựng bản đồ mất cân bằng che phủ rừng huyện Mường Lát.

- Đề xuất các giải pháp sử dụng và phát triển rừng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái bền vững.

b. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập, phân tích, xử lý số liệu

- Phương pháp bản đồ và GIS

- Phương pháp sử dụng thông tin địa lý từ ảnh viễn thám

- Phương pháp điều tra, khảo sát thực tế

- Phương pháp đánh giá mất cân bằng che phủ rừng

3. Kết quả nghiên cứu và những bàn luận

a) Xác định tỷ lệ che phủ hiện tại và tỷ lệ che phủ theo quy hoạch

Tỷ lệ che phủ rừng hiện tại được dẫn ra trong bảng 1

Người đọc phản biện: PGS.TS. Nguyễn Viết Lành

Bảng 1. Tỷ lệ che phủ rừng hiện tại huyện Mường Lát, năm 2012

Tên xã	Thị trấn	Mường Lý	Pù Nhi	Nhi Sơn	Quang Chiêu	Tam Chung	Mường Chanh	Trung Lý	Tén Tàn	Tổng
Tỷ lệ che phủ rừng (%)	67,3	40,5	43,9	27,2	34,5	80,1	61,5	63,0	46,6	57,5

Tỷ lệ che phủ rừng theo quy hoạch được dẫn ra trong bảng 2

Bảng 2. Tỷ lệ che phủ rừng theo quy hoạch huyện Mường Lát, năm 2012

Tên xã	Thị trấn	Mường Lý	Pù Nhi	Nhi Sơn	Quang Chiêu	Tam Chung	Mường Chanh	Trung Lý	Tén Tàn	Tổng
Tỷ lệ che phủ rừng QH (%)	93,28	96,17	95,99	91,20	95,51	95,75	96,76	98,96	97,2	96,7

b. Xác định hệ số mất cân bằng che phủ rừng huyện Mường Lát

Dựa vào hệ số mất cân bằng che phủ để đánh giá mức độ mất cân bằng che phủ (MCBCP). Hệ số này được tính qua mối quan hệ giữa tỷ lệ che phủ hiện tại (%) và tỷ lệ che phủ cần có theo đề xuất quy hoạch (%). Công thức có dạng sau:

$$MCBCP = \frac{\text{Tỷ lệ CPHT}}{\text{Tỷ lệ CPQH}}$$

Trong đó: MCBCP: Hệ số mất cân bằng che phủ

CPHT: Tỷ lệ che phủ hiện tại (%)

CPQH: Tỷ lệ che phủ rừng theo đề xuất quy hoạch (%)

Theo tiêu chuẩn đánh giá cân bằng che phủ của Bộ lâm nghiệp năm 2005, hệ số MCBCP được chia thành 4 cấp độ:

+ Mất cân bằng che phủ cao: < 0,3

+ Mất cân bằng che phủ trung bình: 0,3 - 0,5

+ Mất cân bằng che phủ thấp: 0,5 - 0,7

+ Cân bằng che phủ (CBCP): > 0,7

Kết quả tính toán được dẫn ra trong bảng 3. Từ bảng 3 ta thấy có sự khác nhau giữa các xã, hệ số thay đổi từ cao, trung bình, thấp, và đạt CBCP, cụ thể:

- Mức CBCP cao gồm có thị trấn Mường Lát và xã Tam Chung, chiếm 16,2% tổng diện tích tự nhiên với 13167,22ha;

- Mức độ MCBCP thấp gồm có xã Mường Chanh và xã Trung Lý, chiếm 32,35% diện tích tự nhiên với 26355,03 ha;

- Mức độ MCBCP trung bình gồm có 4 xã: Mường Lý, Pù Nhi, Quang Chiêu và Tén Tàn, chiếm 46,9% diện tích tự nhiên với 38220,67ha;

- Mức độ MCBCP cao là xã Nhi Sơn, chiếm 4,54% diện tích tự nhiên với 3718,52 ha.

Bảng 3. Hệ số mất cân bằng che phủ rừng huyện Mường Lát

TT	Xã	Hệ số MCBCP	Xếp loại MCBCP			
			Đạt CBCP	Thấp	Trung bình	Cao
1	TT. Mường Lát	0,72	x			
2	Mường Lý	0,42			x	
3	Pù Nhi	0,45			x	
4	Nhi Sơn	0,29				x
5	Quang Chiêu	0,36			x	
6	Tam Chung	0,84	x			
7	Mường Chanh	0,64		x		
8	Trung Lý	0,64		x		
9	Tén Tàn	0,48			x	

c. Đề xuất các giải pháp sử dụng và phát triển rừng huyện Mường Lát

* Cơ sở của việc đề xuất giải pháp và khuyến nghị ưu tiên đầu tư sử dụng và phát triển rừng

- Dựa vào hệ số MCBCP: Bài báo tập trung đề xuất giải pháp đối với những xã MCBCP ở 3 mức: cao, trung bình và thấp, gồm 7 xã: Nhi Sơn, Quang Chiểu, Mường Lý, Trung Lý, Tén Tàn, Mường Chanh và Trung Lý.

- Dựa vào yêu cầu quy hoạch 3 loại rừng của địa phương giai đoạn 2006 - 2015, bao gồm 4 loại hình quản lý sử dụng đất: đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất, đất rừng đặc dụng, và đất khác. Đề xuất giữ nguyên diện tích và sự phân bố quy hoạch 3 loại rừng.

- Dựa vào hiện trạng rừng năm 2012, đề xuất chuyển đổi mục đích sử dụng cho các loại đất và hướng sử dụng cụ thể trên từng trạng thái rừng hiện có.

- Ngoài ra còn dựa vào các yếu tố tự nhiên như địa hình (độ cao, độ dốc), đất, lượng mưa, hiện trạng lũ quét; các yếu tố kinh tế - xã hội như: thu nhập bình quân theo đầu người, hộ đói nghèo, lao động, tập quán canh tác để khuyến nghị ưu tiên đầu tư phủ xanh đất trống đồi trọc trên đất lâm nghiệp.

d) Kết quả đề xuất giải pháp

• Chuyển đổi mục đích sử dụng các loại hình quản lý sử dụng đất:

- Đối với đất rừng phòng hộ: Theo yêu cầu quy hoạch, tổng diện tích đất rừng phòng hộ của 7 xã là 26.510,45ha chiếm 38,82% diện tích tự nhiên nhưng hiện tại chỉ đáp ứng được 26.390,54ha, tương đương 38,6% diện tích tự nhiên. Vậy còn lại 0,22% sẽ được chuyển đổi MĐSD từ các loại đất sau:

+ Chuyển từ đất rừng sản xuất sang đất rừng phòng hộ: 500,3ha, chiếm 1,89% so với tổng diện tích của loại đất này và được thực hiện chủ yếu ở các xã Trung Lý, Tén Tàn và Quang Chiểu;

+ Chuyển đất khác sang đất rừng phòng hộ:

Loại đất này có tổng diện tích là 48,61ha, đạt 0,18% so với tổng diện tích rừng phòng hộ, và tập trung phần lớn ở các xã Pù Nhi và Quang Chiểu.

- Đối với đất rừng sản xuất: Theo yêu cầu quy hoạch, tổng diện tích đất rừng sản xuất là 35.526,08ha (chiếm 52,0% diện tích tự nhiên); hiện tại chỉ đáp ứng được 35.259,65ha, tương đương 99,3% so với quy hoạch. Vì vậy cần phải:

+ Chuyển từ đất rừng phòng hộ sang đất rừng sản xuất: 437,49ha, chiếm 1,23% so với tổng diện tích của loại đất này), chúng tập trung chủ yếu ở các xã Quang Chiểu và Tén Tàn;

+ Chuyển 267,34ha đất khác sang đất rừng sản xuất và thực hiện chủ yếu ở 2 xã Pù Nhi và Nhi Sơn.

- Đất rừng đặc dụng: đây là loại đất thuộc quy hoạch quốc gia, vì vậy trong bài viết này tác giả không đề xuất chuyển đổi mục đích sử dụng cho loại hình quản lý sử dụng đất này.

- Đất khác: có tổng diện tích là 1.588,39ha, chiếm 2,3% diện tích tự nhiên, phân bố chủ yếu ở các xã Nhi Sơn, Pù Nhi, Mường Lý, Quang Chiểu. Hiện tại loại đất này có 1.209,85ha, bằng 76,16% diện tích so với yêu cầu quy hoạch. Vì vậy cần chuyển từ đất rừng sản xuất sang đất khác, cụ thể là 242,55ha, bằng 0,35% diện tích.

• Các giải pháp sử dụng và phát triển rừng (hướng sử dụng cụ thể trên từng trạng thái rừng)

- Đất rừng phòng hộ: Hình thành ở độ cao trên 700m; độ dốc từ 25° trở lên; thổ nhưỡng ở đây chủ đạo là đất mùn vàng đỏ trên núi; lượng mưa phong phú; hiện trạng thảm thực vật phân hóa đa dạng với nhiều trạng thái rừng khác nhau:

+ Đối với những nơi có trạng thái rừng giàu, rừng gỗ trung bình cần phải khoanh nuôi bảo vệ, cụ thể là 3.643,2ha, chiếm 13,7% diện tích đất rừng phòng hộ, và phân bố chủ yếu ở xã Tén Tàn, Nhi Sơn và Pù Nhi.

+ Đối với trạng thái thảm thực vật là rừng gỗ nghèo, rừng gỗ phục hồi, gỗ và tre nửa cần phải khoanh nuôi phục hồi rừng phòng hộ. Loại rừng này có tổng diện tích là 8.098,12 ha, chiếm 30,54%

diện tích đất rừng phòng hộ, phân bố chủ yếu ở các xã Mường Chanh, Quang Chiểu và Trung Lý.

+ Tại những khu vực rừng trồng có trữ lượng và chưa có trữ lượng, rừng trồng cây đặc sản, rừng trồng tre, luồng, và tre nứa khác thì biện pháp sử dụng rừng hợp lý nhất là chăm sóc, tái sinh rừng phòng hộ: 7.548,51ha, chiếm 28,47% diện tích rừng phòng hộ. Hiện nay, loại rừng này xuất hiện nhiều nhất ở các xã Quang Chiểu, Mường Chanh, Tén Tàn và Trung Lý.

+ Những khu vực hiện đang là đất trống (la, lb, lc) thì cần phải nhanh chóng trồng rừng phòng hộ và chú ý trồng các loài cây tán rộng, rễ ăn sâu, có khả năng điều tiết dòng chảy và bảo vệ đất tốt như các loài cây lát, lim, trẩu,... Thảm thực vật này có tổng diện tích là 14.735,15ha, chiếm 55,58% diện tích đất rừng phòng hộ, và được phân bố nhiều tại các xã Pù Nhi, Quang Chiểu, Trung Lý và Mường Chanh.

+ Còn đối với đất nương rẫy, nông nghiệp, nghĩa địa, thổ cư... thì giữ nguyên mục đích sử dụng là tốt nhất, bởi làm như vậy sẽ đáp ứng một phần nhu cầu lương thực cho người dân và nguồn lao động tại chỗ làm nhiệm vụ trông coi, chăm sóc rừng phòng hộ. Loại đất này có diện tích rất nhỏ: 303,76ha, chiếm 1,14% diện tích đất rừng phòng hộ, phân bố rải rác ở các xã Pù Nhi và Nhi Sơn.

- Đất rừng sản xuất: phân bố trên địa hình có độ cao thấp hơn đất rừng phòng hộ, chủ yếu từ 300-700m, một số nơi trên 700m, độ dốc: 25-30°; đất feralit vàng đỏ có thành phần cơ giới từ thịt nặng và trung bình; lượng mưa phòng phú (gần 2000mm/năm), nên thảm thực vật phân hóa khá đa dạng, cần có những giải pháp sử dụng phù hợp, cụ thể:

+ Tại các khu vực rừng giàu, rừng gỗ trung bình cần phải khoanh nuôi bảo vệ rừng sản xuất (1248,28ha, chiếm 3,5% diện tích đất rừng sản xuất), có mặt chủ yếu tại các xã Trung Lý, Nhi Sơn.

+ Tại khu vực rừng gỗ nghèo, rừng gỗ phục hồi, gỗ và tre nứa cần phải khoanh nuôi phục hồi rừng sản xuất (5.642,13ha, chiếm 15,88% diện tích). Hiện nay, hai xã Trung Lý và Mường Lý tồn tại nhiều nhất

trạng thái rừng này.

+ Đối với những nơi thảm thực vật là rừng trồng có trữ lượng, rừng trồng chưa có trữ lượng, rừng trồng cây đặc sản, rừng trồng tre luồng, và tre nứa khác thì biện pháp lâm sinh tốt nhất là chăm sóc, tái sinh rừng, cụ thể là thực hiện trên 1.527,64ha, tương đương với 4,3% diện tích rừng sản xuất, tập trung chủ yếu trên địa bàn các xã Trung Lý, Tén Tàn, Mường Lý.

+ Trạng thái đất trống la, lb, lc: có tổng diện tích rất lớn: 19.238,92ha, chiếm tới 54,15% diện tích đất rừng sản xuất, có mặt nhiều nhất ở các xã Trung Lý, Nhi Sơn, Pù Nhi, Tén Tàn. Đây là một trong những loại đất cần phải được ưu tiên đầu tư trồng rừng sản xuất để phủ xanh đất trống, đồi trọc. Chú ý trồng các loài cây nhanh tỏa tán, tán rộng, vừa bảo vệ môi trường tốt nhưng cũng đem lại hiệu quả kinh tế cao như loài keo.

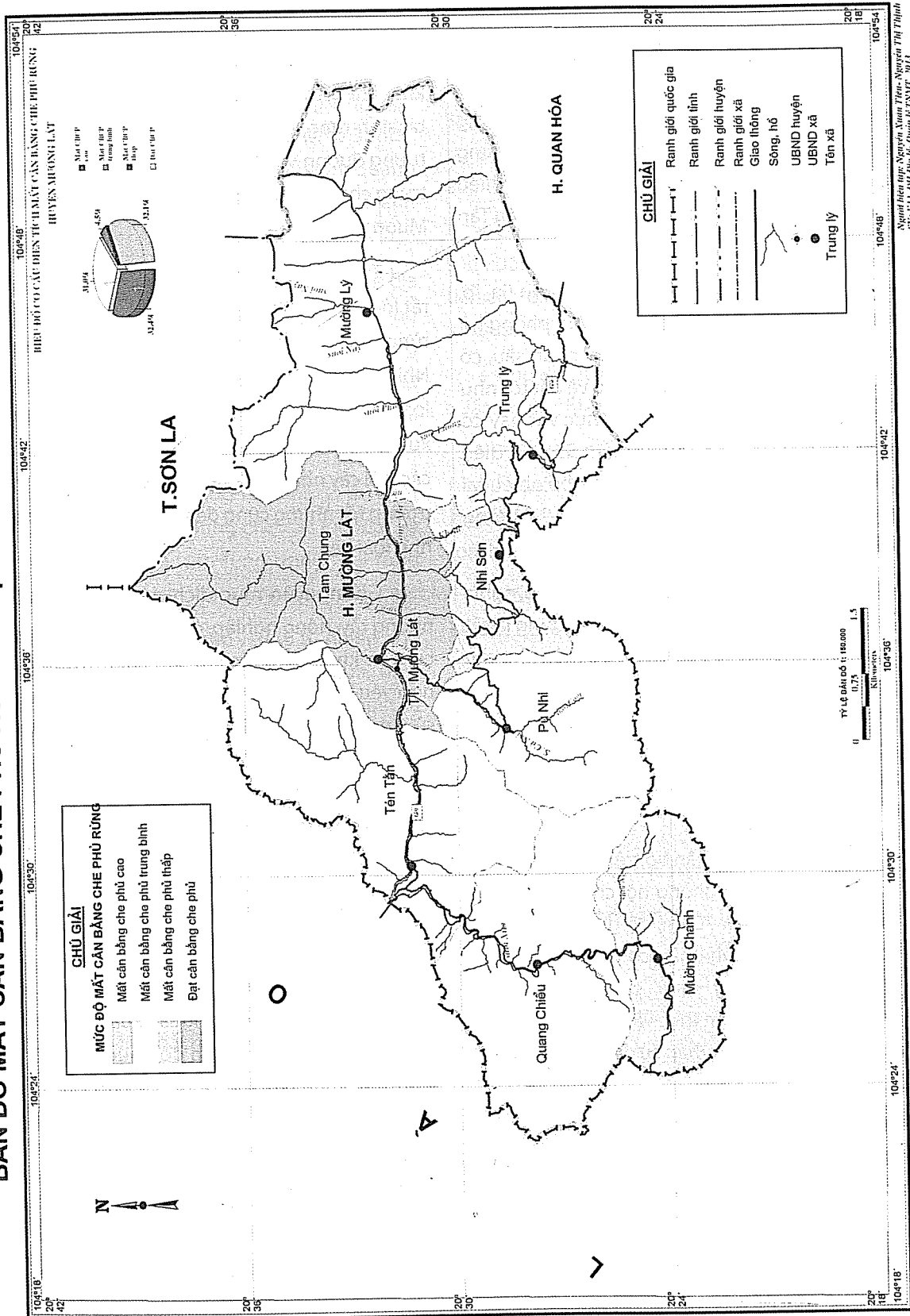
+ Giữ nguyên mục đích sử dụng đối với đất nương rẫy, nông nghiệp, đất khác, nghĩa địa và thổ cư trên khu vực đất rừng sản xuất. Trong trường hợp yêu cầu cần thiết có thể chuyển đổi mục đích sử dụng. Tuy loại đất này có diện tích rất nhỏ 1.429,05ha, chiếm 4,02% diện tích đất rừng sản xuất nhưng lại có ý nghĩa quan trọng trong vấn đề cung cấp lương thực tại chỗ và bổ sung nguồn lao động bản địa để trông coi, chăm sóc rừng.

- Đối với đất khác được chia thành hai nhóm giải pháp:

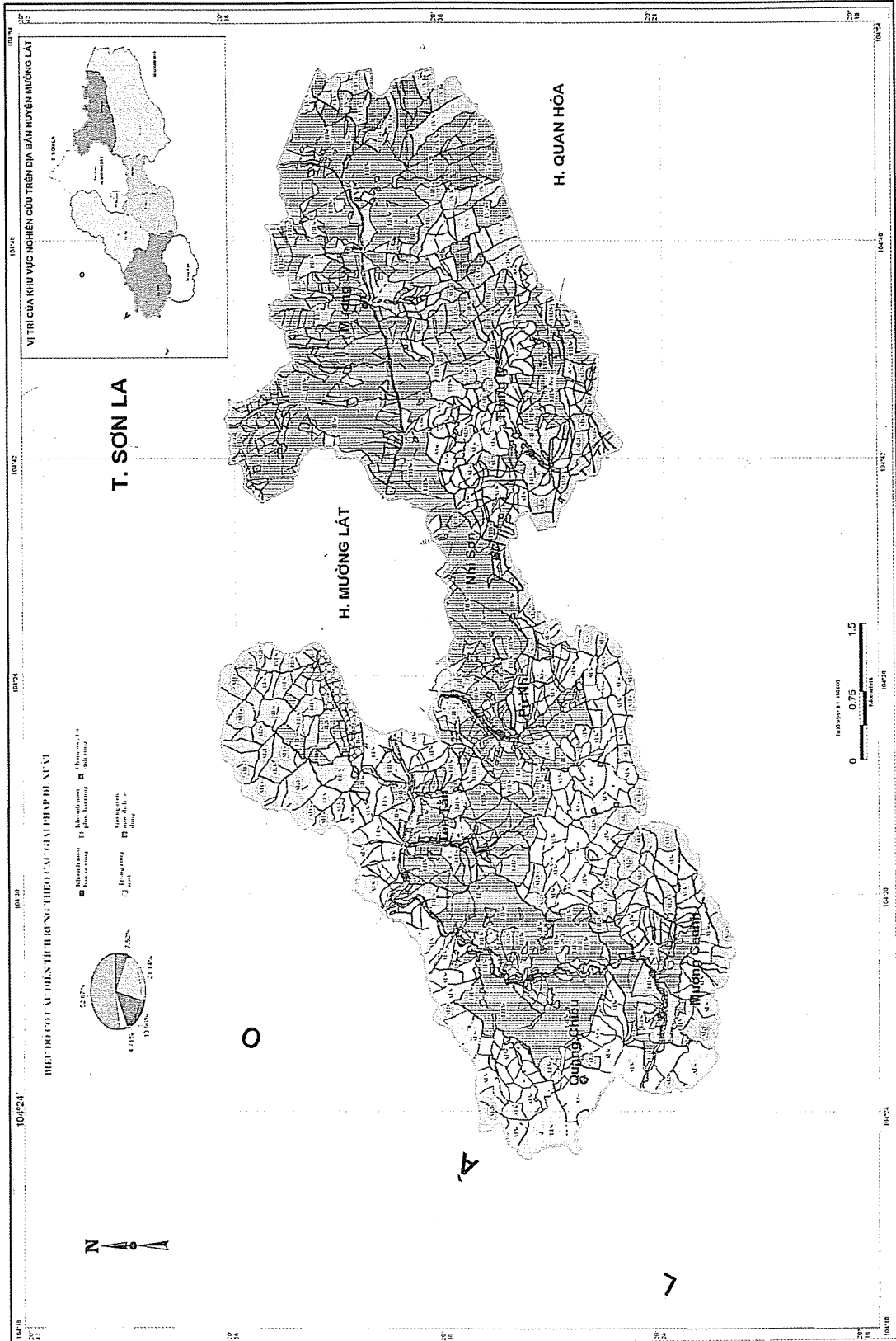
+ Nếu yêu cầu quy hoạch là đất trồng nhưng hiện nay thuộc khu vực rừng sản xuất, trong trường hợp cần thiết phải chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất khác (có thể phục vụ cho đất chuyên dùng,...), cụ thể là tiến hành chuyển đổi 260,55ha, chiếm 16,40% diện tích đất khác.

+ Tương tự như trên, giữ nguyên mục đích sử dụng đối với đất nương rẫy, nông nghiệp, đất khác, nghĩa địa và thổ cư trên khu vực đất khác. Loại đất này chiếm diện tích rất lớn: 1327,84ha, bằng 83,6% diện tích đất khác, tập trung chủ yếu tại các xã: Tén Tàn, Trung Lý.

BẢN ĐỒ MẮT CẦN BẰNG CHE PHỦ RỪNG HUYỆN MƯỜNG LÁT - TỈNH THANH HÓA



BẢN ĐỒ ĐỀ XUẤT HƯỚNG SỬ DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG HUYỆN MƯỜNG LÁT (ĐỐI VỚI NHỮNG XÃ MẤT CÁN BẰNG CHE PHỦ RỪNG)



CHÚ GIẢI

QH 3 loại rừng Hiện trạng rừng Chức năng Trạng thái rừng	PHÒNG HỘ (A)															SẢN XUẤT (B)															DẶC DỤNG (C)					DẶC KHÁC (D)				
	Phòng hộ (I)					Sản xuất (II)					Đặt khác (III)					Phòng hộ (I)					Sản xuất (II)					Đặt khác (III)					DẶc dụng (IV)					Sản phẩm (V)	DẶc khác (VI)			
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	3	4	1	2	3	4	5	5	4	5								
Đặc xuất																																								
Khoanh nuôi bảo vệ rừng (a)	1					2							3					4							5															
Khoanh nuôi phục hồi rừng (b)		1					2							3					4							5														
Chăm sóc, tái sinh rừng (c)			1					2							3					4							5													
Ghi nguyên thực địa sử dụng (d)				1					2							3					4						5													
Trồng rừng mới (e)					1					2							3										4													
Chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất khác (f)																																								



CÁC TRẠNG THÁI RỪNG

1: Rừng gỗ già, rừng gỗ trung bình

2: Rừng gỗ nghèo, rừng gỗ phục hồi, gỗ và tre nứa

3: Rừng trồng có trữ lượng, chưa có trữ lượng, trồng cây đặc sản, tre luồng và tre nứa khác

4: Nuông rẫy nông nghiệp, đất khác, nghĩa địa, thổ cư

5: Đất trống la, bõ, lổ

4. Kết luận

Sau quá trình nghiên cứu, thực hiện nội dung của bài báo, tác giả rút ra một số kết luận sau:

- Về thực trạng mất cân bằng che phủ rừng trên địa bàn huyện Mường Lát : có sự khác nhau giữa các xã, cụ thể: 2 xã đạt CBCP; 2 xã mất CBCP thấp; 4 xã

mất CBCP trung bình; và 1 xã mất CBCP cao.

- Về đề xuất giải pháp sử dụng và phát triển rừng, gồm có 2 nhóm giải pháp chính: về đề xuất chuyển đổi mục đích sử dụng của các loại hình quản lý sử dụng đất; về đề xuất các giải pháp sử dụng và phát triển rừng (hướng sử dụng cụ thể trên từng trạng thái rừng).

Tài liệu tham khảo

1. Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa (2006), Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2006-2015, tỷ lệ 1:50.000
2. Lê Kim Dung (2012), Đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên phục vụ quy hoạch sử dụng đất đai và đề xuất các mô hình nông lâm kết hợp trên đất dốc lưu vực sông Chu, Luận án Tiến Sĩ Địa lý.
3. Phòng Thống kê huyện Mường Lát (2011), Niên giám thống kê huyện Mường Lát tỉnh Thanh Hóa 2011, Nxb Thống kê, Thanh Hóa
4. Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Mường Lát (2005- 2010), Báo cáo quy hoạch sử dụng đất của huyện Mường Lát
5. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thanh Hóa (2006), Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2006-2015
6. Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa (2007), Báo cáo kết quả rà soát quy hoạch ba loại rừng tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2006-2015
7. Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa (2012), Bản đồ hiện trạng rừng tỉnh Thanh Hóa, tỷ lệ 1:100.000
8. Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa, Bản đồ quy hoạch sử dụng đất tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2010-2020, tỷ lệ 1:100.000